TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **265**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Lan
2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy - là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1192/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Y , sinh năm 1976; địa chỉ: Đường V, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H , sinh năm 1973; địa chỉ: Đường V, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn H tự nguyện kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, cả hai chung sống tại gia đình bà ở địa chỉ đường V, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông H sống không có trách nhiệm với gia đình và đã bỏ nhà đi từ tháng 02/2014 cho đến nay. Bà đã nhiều lần liên lạc, tìm kiếm, dò hỏi nhưng vẫn

không có tin tức gì nên tháng 4/2017 bà đã nộp đơn yêu cầu tuyên bố ông H mất tích và đã được Tòa án nhân dân quận Tân Bình ra Quyết định tuyên bố ông Huỳnh Văn H mất tích. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết cũng như không có tin tức gì với ông H nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Yến N – sinh ngày 12/01/2009 và Huỳnh Nguyễn Yến N1 – sinh ngày 12/12/2013. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cả 02 con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, ngoài ra bị đơn đã có Quyết định tuyên bố một người mất tích số 557/2017/QĐDS – ST ngày 26/10/2017 đã có hiệu lực pháp luật nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo khoản 2 Điều 227 và dành quyền kháng cáo cho bị đơn theo quy định.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 138, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2011 thể hiện hôn nhân giữa bà Y và ông H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ

Xét yêu cầu ly hôn của bà Y, Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chung sống phải cùng có trách nhiệm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau để cùng nhau nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng trong quá trình chung sống giữa bà Y và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông H bỏ nhà đi từ đầu năm 2014 cho

đến nay, không có tin tức cũng như không có liên lạc gì với gia đình, vợ con chứng minh ông H sống không có trách nhiệm với con chung, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, tình cảm vợ chồng. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, chính đáng, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Xét, cả hai con đang sống chung với mẹ nên việc giao cho nguyên đơn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là phù hợp với thực tế để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt đối với con chung. Ghi nhận việc nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim Y .

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn với ông Huỳnh Văn H .

1.2. Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Yến N – sinh ngày 12/01/2009 và Huỳnh Nguyễn Yến N1 – sinh ngày 12/12/2013.

Bà Nguyễn Thị Kim Y được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến tuổi thành niên. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Huỳnh Văn H do bà Y chưa có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

1.3. Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có.

1.4. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Kim Y chịu nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Y đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/000xxxx ngày x/x/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án hộp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo